

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 96/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 08/6/2023
V/v tranh chấp: “xin Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàng Nhi.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Văn Bi
2. Bà Nguyễn Thị Tuyết Dung

- Thư ký phiên tòa: Bà Phùng Anh Thy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú Đông tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Kim Thoa - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 07/2023/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 01 năm 2023, về tranh chấp: “Xin ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 04 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Kim S, sinh năm 1990;

Địa chỉ: Ấp L, xã P, huyện Đ, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Ngọc L, sinh năm 1989;

Địa chỉ: Ấp L, xã P, huyện Đ, tỉnh Tiền Giang

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Bà Phạm Thị Ô, sinh năm 1962.

Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện Đ, tỉnh Tiền Giang.

+ Bà Phạm Thị P, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Ấp N, xã T, huyện Đ, tỉnh Tiền Giang.

+ Bà Đặng Thị L (S), sinh năm 1966.

Địa chỉ: Ấp L, xã P, huyện Đ, tỉnh Tiền Giang.

+ Chị Nguyễn Thị Ngọc D, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

+ Bà Nguyễn Thị Tuyết M, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Ấp 1, xã B, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

+ Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam - Phòng giao dịch huyện T.

Địa chỉ: Đường N, khu phố 5, thị trấn V, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

(Chị S, bà Ô, bà P, bà L, chị M và Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam - Phòng giao dịch huyện T xin vắng mặt; anh L và chị D vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản hòa giải nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim S trình bày:*

Chị S và anh L tự tìm hiểu và tự nguyện tiến đến hôn nhân, có tổ chức cưới năm 2007 và đăng ký kết hôn ngày 09/01/2014 tại UBND xã P. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh L chơi cờ bạc, gây nợ. Chị S khuyên can nên vợ chồng thường cãi nhau. Khi cãi nhau, anh L có đánh chị S. Mâu thuẫn giữa vợ chồng kéo dài đến tháng 12/2022 thì trầm trọng nên vợ chồng sống ly thân đến nay. Trong thời gian sống ly thân, anh chị không hàn gắn được tình cảm. Chị S cho rằng không còn tình cảm với anh L nên xin ly hôn.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung tên Nguyễn Thị Kim C, sinh ngày 13/7/2007 và Nguyễn Thành Quốc L, sinh ngày 12/9/2013. Từ khi anh chị ly hôn, chị S chăm sóc, nuôi dưỡng Nguyễn Thị Kim C. Anh L chăm sóc nuôi dưỡng Nguyễn Thành Quốc L. Ly hôn, chị S yêu cầu tiếp tục nuôi Nguyễn Thị Kim C. Giao Nguyễn Thành Quốc L cho anh L tiếp tục nuôi dưỡng. Chị S không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con. Chị S không cấp dưỡng nuôi Nguyễn Thành Quốc L.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Theo đơn khởi kiện, chị S có yêu cầu giải quyết nợ chung của vợ chồng gồm: Nợ bà Phạm Thị Ô, bà Phạm Thị P, bà Đặng Thị L, chị Nguyễn Thị Ngọc D, bà Nguyễn Thị Tuyết M và Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam - Phòng giao dịch huyện T. Sau khi tòa án thụ lý đơn khởi kiện, bà Ô, bà P, bà L, chị D, bà M và Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam - Phòng giao dịch huyện T không yêu cầu Tòa án giải quyết nợ trong cùng vụ án này nên chị S rút lại yêu cầu giải quyết nợ chung.

** Tại biên bản lấy lời khai, các biên bản hòa giải bị đơn, bị đơn anh Nguyễn Ngọc L trình bày:*

Anh L thống nhất với trình bày của chị S về thời gian và điều kiện kết hôn. Anh L có chơi cờ bạc và gây nợ nên vợ chồng thường cãi nhau. Do anh L không bỏ được cờ bạc nên mâu thuẫn giữa vợ chồng kéo dài và ngày càng trầm trọng nên anh L và chị S sống ly thân đến nay. Thời gian sống ly thân, anh L có trao đổi với chị S để hàn gắn tình cảm nhưng chị S không đồng ý. Do anh L còn tình cảm với chị S nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung như chị S trình bày. Nếu ly hôn anh L yêu cầu tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng Nguyễn Thành Quốc L, không yêu cầu chị S cấp dưỡng nuôi con. Giao Nguyễn Thị Kim C cho chị S tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, anh L không cấp dưỡng nuôi Nguyễn Thị Kim C.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại các bản tự khai, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Phạm Thị Ô, bà Phạm Thị P, bà Đặng Thị L, chị bà Nguyễn Thị Tuyết M, chị Nguyễn Thị Ngọc D và Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam - Phòng giao dịch huyện T, không yêu cầu Tòa án giải quyết số tiền chị S và anh L còn nợ những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan nêu trên, trong cùng vụ án này.*

** Ý kiến của Kiểm sát viên:*

- Về tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử quyết định: Về quan hệ hôn nhân, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Kim S. Chị Nguyễn Thị Kim S được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc L. Về con chung, giao Nguyễn Thị Kim C cho chị S chăm sóc, nuôi dưỡng; giao Nguyễn Thành Quốc L cho anh Nguyễn Ngọc L chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị S và anh L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ; vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật, phạm vi khởi kiện

Chị Nguyễn Thị Kim S xin ly hôn với anh Nguyễn Ngọc L nên đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo qui định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân huyện Tân Phú Đông theo khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Vụ án không có yêu cầu phản tố, không có yêu cầu vãng độc lập. Chị Nguyễn Thị Kim S, bà Phạm Thị Ô, bà Phạm Thị P, bà Đặng Thị L, chị bà Nguyễn Thị Tuyết M và Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam - Phòng giao dịch huyện T có đơn xin xét xử vắng mặt; anh Nguyễn Ngọc L và chị Nguyễn Thị Ngọc D vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ 2, không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

Bị đơn không yêu cầu phản tố, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không yêu cầu độc lập.

[2] Về nội dung vụ kiện

Về quan hệ hôn nhân: Chị S và anh L tự nguyện cưới nhau từ năm 2007 và có đăng ký kết hôn ngày 09/01/2014 nên là hôn nhân được pháp luật công nhận. Theo lời khai của chị S và anh L trình bày thống nhất về nguyên nhân mâu thuẫn là do anh L chơi cờ bạc, gây nợ. Chị S nhiều lần khuyên can nhưng anh L không từ bỏ được cờ bạc. Mâu thuẫn kéo dài đến tháng 12/2022 thì trầm trọng và vợ chồng đã sống ly thân. Chị S cho rằng không còn tình cảm với anh L nên kiên quyết ly hôn. Anh L thì không đồng ý ly hôn vì còn tình cảm với chị S. Xét thấy, theo lời khai của anh L, thời gian sống ly thân, có trao đổi với chị S để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng chị S không đồng ý chứng tỏ mâu thuẫn giữ chị S và anh L đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau. Do đó, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị S.

Về con chung: Anh chị có 02 con tên Nguyễn Thị Kim C, sinh ngày 13/7/2007 và Nguyễn Thành Quốc L, sinh ngày 12/9/2013. Xét thấy, chị S và anh L trình bày thống nhất hiện chị S đang chăm sóc, nuôi dưỡng cháu C và tiếp tục nuôi cháu C. Anh L đang chăm sóc, nuôi dưỡng cháu L và yêu cầu tiếp tục nuôi

cháu L. Ngoài ra, tại bản tự khai của cháu C và cháu L thì cháu C có nguyện vọng tiếp tục sống với chị S; cháu L có nguyện vọng tiếp tục sống với anh L. Do đó, để ổn định việc ăn, ở và học tập của các con chị S, anh L nên giao chị Sang tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng cháu C, giao anh L tiếp tục nuôi dưỡng cháu L. Chị S và anh L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Chị S rút lại yêu cầu giải quyết nợ chung của vợ chồng. Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết yêu cầu nợ chung của chị S.

[3] Về ý kiến, đề nghị của Kiểm sát viên:

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu quan điểm và đề nghị có nội dung phù hợp quan điểm Hội đồng xét xử, cũng phù hợp quy định pháp luật nên chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên.

[4] Về án phí:

- Chị Nguyễn Thị Kim S nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

- Anh Nguyễn Ngọc L, bà Phạm Thị Ô, bà Phạm Thị P, bà Đặng Thị L, chị Nguyễn Thị Ngọc D, bà Nguyễn Thị Tuyết M và Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam-Phòng giao dịch huyện T không nộp án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Điều luật áp dụng:

- Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82 và Điều 83, Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Điều 5; khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147, điểm b Khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 264 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH.14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân:

- Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Kim S.

- Chị Nguyễn Thị Kim S được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc L.

2. Về con chung:

- Giao Nguyễn Thị Kim C, sinh ngày 13/7/2007 cho chị Nguyễn Thị Kim S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị Nguyễn Thị Kim S không yêu cầu anh Nguyễn Ngọc L cấp dưỡng nuôi con.

- Giao Nguyễn Thành Quốc L, sinh ngày 12/9/2013 cho anh Nguyễn Ngọc L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Ngọc L không yêu cầu chị Nguyễn Thị Kim S cấp dưỡng nuôi con.

- Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. *Về tài sản chung*: Không yêu cầu giải quyết.

4. *Về nợ chung*: Đình chỉ yêu cầu của chị Nguyễn Thị Kim S về việc yêu cầu giải quyết nợ chung.

5. *Về án phí*:

- Chị Nguyễn Thị Kim S phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, theo biên lai số 0008419, ngày 17/01/2023, của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tân Phú Đông. Như vậy, chị Nguyễn Thị Kim S đã nộp xong án phí.

- Anh Nguyễn Ngọc L, bà Phạm Thị Ô, bà Phạm Thị P, bà Đặng Thị L, chị Nguyễn Thị Ngọc D, bà Nguyễn Thị Tuyết M và Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam-Phòng giao dịch huyện T không nộp án phí sơ thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án dân sự, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án các đương sự, có quyền kháng cáo bản án đến Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKS ND H.Tân Phú Đông;
- Chi cục THA DS H.Tân Phú Đông;
- UBND xã P;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

Nguyễn Thị Hoàng Nhi

